

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3552/UBND-KT
V/v Kế hoạch thực hiện
các nhiệm vụ được giao
tại Quyết định số
2053/QĐ-TTg ngày 28
tháng 10 năm 2016 của
Thủ tướng Chính phủ

Ninh Thuận, ngày 29 tháng 8 năm 2017

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện văn bản số 4126/BTNMT-BĐKH ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xây dựng Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận báo cáo như sau:

Ngày 27 tháng 4 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 1492/KH-UBND về việc triển khai thực hiện Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh,

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận gửi Kế hoạch trên đến Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban quốc gia về biến đổi khí hậu theo quy định./.

*(Gửi kèm Kế hoạch số 1492/KH-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Trần Quốc Nam (b/c);
- Sở TN&MT;
- VPUB: CVP, PCVP (L.T.Dũng);
- Lưu: VT, KT, HT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Nam

Số: 1492/KH-UBND

Ninh Thuận, ngày 27 tháng 4 năm 2017

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

Thực hiện Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

a) Nâng cao nhận thức các cấp, các ngành và toàn dân về việc thực hiện kế hoạch Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu được phê duyệt tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ;

b) Huy động mọi nguồn lực của toàn xã hội, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế để thực hiện giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhằm góp phần cùng cả nước đạt được mục tiêu theo Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

2. Yêu cầu:

a) Tất cả cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trên địa bàn tỉnh phải được quán triệt Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ; việc triển khai nhiệm vụ phải cụ thể, toàn diện, có hiệu quả thiết thực;

b) Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ phải chủ động tăng cường mối quan hệ tìm kiếm kêu gọi hợp tác đầu tư và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về thực hiện Thỏa thuận Paris:

Các Sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tuyên truyền phổ biến sâu rộng trong toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trong tỉnh về thực hiện Thỏa thuận Paris tại Việt Nam và trên địa bàn tỉnh. Qua đó, nâng cao ý thức về xây dựng lối sống thân thiện với môi trường, nhằm sử dụng hiệu quả hơn nguồn tài nguyên thiên nhiên, ưu tiên sử dụng các nguồn nguyên liệu có thể tái chế, giảm cường độ phát thải khí nhà kính, góp phần thích ứng với biến đổi khí hậu. Từng Sở, ban, ngành, tổ chức, cơ quan trên địa bàn tỉnh nâng cao ý thức, quyết tâm và xây dựng chương trình, kế hoạch

hành động cụ thể gắn liền với trách nhiệm, nhiệm vụ được giao, lồng ghép các nội dung phát triển xanh, phát triển bền vững trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực, góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển Ninh Thuận trở thành địa phương theo hướng xanh - sạch - đẹp, văn minh, hiện đại và thân thiện với môi trường.

2. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính:

a) Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương và các doanh nghiệp có liên quan xây dựng và thực hiện các đề xuất giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tăng trưởng xanh phù hợp với điều kiện quốc gia (NAMA) cho lĩnh vực công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh;

b) Thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính khác phù hợp với điều kiện quốc gia: Thu thập thông tin, số liệu, đánh giá hiện trạng phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực chất thải từ các hoạt động chôn lấp rác thải, nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi, chất thải từ hoạt động đốt chất thải...; xây dựng phương pháp tính toán lượng phát thải khí nhà kính và hệ số phát thải cho lĩnh vực chất thải phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của tỉnh. Bên cạnh đó, thực hiện thống kê phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực chất thải trên địa bàn và xây dựng kịch bản dự báo về lượng phát thải trong thời gian tới; đồng thời, đề xuất các giải pháp quản lý phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực chất thải.

3. Thích ứng với biến đổi khí hậu:

a) Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh theo hướng văn minh, hiện đại và bền vững. rà soát quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, đặc biệt những ngành có tác động nhiều tới tài nguyên, môi trường, hiệu quả sử dụng vốn và tài nguyên không cao, để xác định yêu cầu xanh hóa sản xuất, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải một cách có hiệu quả vào các quy hoạch hiện có và quy hoạch mới;

b) Về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Tập trung phát triển nông nghiệp tỉnh theo hướng nông nghiệp công nghệ cao với phương châm mục tiêu sản xuất sạch, tăng trưởng xanh. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học, tạo giống, các loại hình dịch vụ kỹ thuật, chú trọng dịch vụ giống nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp theo hướng chất lượng cao và bền vững, giảm phát thải khí nhà kính, cải thiện môi trường, góp phần thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Tập trung chỉ đạo phát triển chăn nuôi gắn với bảo vệ môi trường, chủ động kiểm soát, không chế dịch bệnh; phát triển đàn gia súc, gia cầm theo hướng tập trung và an toàn sinh học. Quy hoạch lại các khu vực nuôi trồng thủy sản, tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng trong nuôi trồng thủy sản để giảm thiểu rủi ro, đảm bảo phát triển bền vững; tuyên truyền, vận động người dân áp dụng những biện pháp khai thác bền vững để đảm bảo cân bằng sinh thái;

- Đẩy mạnh công tác trồng rừng, phục hồi rừng, xúc tiến tái sinh và làm giàu rừng trên các vùng đất quy hoạch cho lâm nghiệp. Bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững đất rừng để tăng lượng hấp thu carbon và loại bỏ phát thải khí nhà kính. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ và khai thác bền vững tài nguyên rừng, phòng chống cháy rừng;

- Tăng cường hoàn thiện hệ thống thủy lợi phục vụ đa mục tiêu phục vụ sản xuất và phòng chống thiên tai. Cải tạo hệ thống kênh mương chống thất thoát nước, quản lý và bảo vệ đê, kè, chống xói mòn bờ sông, kênh rạch, sạt lở đất, tăng cường quá trình lắng đọng phù sa ven bờ, nâng cao hiệu quả tưới tiêu. Thực hiện tốt quy hoạch phòng chống sạt lở sông, kênh; phòng, chống ngập lụt khu vực đô thị và nông thôn nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn đạt các tiêu chí xã nông thôn mới; chú trọng phát triển giao thông kết hợp thủy lợi, phục vụ phát triển nông thôn, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu.

c) Về lĩnh vực công thương:

- Tập trung xây dựng và phát triển công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn, có lợi thế cạnh tranh; đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm các ngành công nghiệp hiện có, nhất là công nghiệp chế biến. Khuyến khích đầu tư phát triển Khu công nghiệp sinh thái và phát triển Khu công nghệ cao;

- Đẩy mạnh thực hiện công tác quản lý Nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; tăng cường giáo dục, tuyên truyền phổ biến thông tin, vận động cộng đồng, nâng cao ý thức, thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phát triển, phổ biến các trang thiết bị hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng, từng bước loại bỏ các trang thiết bị hiệu suất thấp, nâng cao hiệu quả trong các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp;

- Thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển năng lượng được sản xuất từ gió, mặt trời, địa nhiệt, thủy triều, sinh khối, khí chôn lấp rác thải, khí của nhà máy xử lý rác thải và khí sinh học;

- Xây dựng và phát triển ngành công nghiệp của tỉnh thành một ngành công nghiệp môi trường, từng bước có khả năng cung cấp các công nghệ, thiết bị, dịch vụ, sản phẩm thuộc lĩnh vực môi trường phục vụ yêu cầu bảo vệ môi trường nhằm xử lý, kiểm soát ô nhiễm, khắc phục suy thoái, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường;

- Phối hợp với các nhà cung cấp sản phẩm tiết kiệm năng lượng có uy tín, chất lượng, chuyển giao cho doanh nghiệp; hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng nhằm giảm chi phí sản xuất. Tổ chức tuyên truyền trên báo, đài về tiết kiệm năng lượng trên địa bàn tỉnh.

d) Về lĩnh vực giao thông vận tải:

- Tăng cường đầu tư nâng cấp các hệ thống, mạng lưới giao thông đường bộ trên cơ sở tiết kiệm năng lượng, có hiệu quả về kinh tế, môi trường, xã hội, có khả

năng chống chịu với biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu đi lại, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển hành khách, hàng hóa và giao lưu giữa các tỉnh, thành phố trong vùng;

- Nâng cao chất lượng kiểm tra an toàn kỹ thuật đối với các phương tiện vào kiểm định, nghiêm túc trong việc thực hiện nhiệm vụ, kiểm đủ các hạng mục, nghiêm ngặt trong kiểm tra tiêu chuẩn khí thải đảm bảo đúng quy định ngành. Khuyến khích và vận động chủ phương tiện tham gia giao thông sử dụng các nguồn năng lượng, nhiên liệu sạch, tái chế, giảm ô nhiễm môi trường.

d) Về lĩnh vực tài nguyên và môi trường:

- Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, chương trình truyền thông về sử dụng tiết kiệm tài nguyên, hạn chế lãng phí năng lượng và giảm thiểu lượng khí phát thải; đẩy mạnh việc nghiên cứu phát triển và ứng dụng rộng rãi những công nghệ và thực hành khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên;

- Nghiên cứu đề xuất áp dụng các công cụ kinh tế, hành chính theo nguyên tắc "Người được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho bảo vệ môi trường; người gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải khắc phục, bồi thường thiệt hại". Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra hàng năm, tổ chức rà soát, thống kê các ngành sản xuất phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm môi trường để khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới quy trình công nghệ, áp dụng công nghệ sản xuất sạch, công nghệ thân thiện với môi trường;

- Nghiên cứu xây dựng các quy định về tái chế, coi một số chất thải là tài nguyên, hướng tới giảm thiểu tối đa lượng chất thải phải xử lý bằng cách chôn lấp; khuyến khích tái chế các loại rác thải khu đô thị và công nghiệp thành năng lượng, vật liệu xây dựng và phân bón vi sinh.

e) Về lĩnh vực xây dựng:

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện các giải pháp xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Khuyến khích các đơn vị tư vấn thiết kế, nhà thầu thi công, áp dụng các công nghệ mới, các nguyên liệu thay thế, sản phẩm mới thân thiện với môi trường;

- Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng đô thị, xây dựng khu đô thị mới, cải tạo, chỉnh trang đô thị hiện hữu đảm bảo về giao thông, cảnh quan, vệ sinh môi trường và chống chịu với tác động của biến đổi khí hậu.

4. Chuẩn bị nguồn lực:

a) Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho thực hiện Thỏa thuận Paris trên địa bàn tỉnh. Tăng cường đào tạo, nâng cao nhận thức và năng lực của cán bộ chuyên môn, cán bộ lãnh đạo và cộng đồng về tăng trưởng xanh, các hiện tượng biến đổi khí hậu, nước biển dâng và các tác động của nó đến môi trường sống. Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và ý thức của cán bộ lãnh đạo và công chức, viên chức, người lao động trong công tác phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, giúp cán bộ địa phương có những hoạch định chính sách, quy hoạch kinh tế xã hội hợp lý;

b) Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương áp dụng thử nghiệm một số công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu có tiềm năng và phù hợp với điều kiện Ninh

Thuận và rà soát, đề xuất các cơ chế chính sách khuyến khích nghiên cứu, chuyển giao công nghệ về biến đổi khí hậu;

c) Tăng cường đề xuất danh mục các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, nhằm huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế, chú trọng các dự án phát triển năng lượng tái tạo huy động nguồn lực từ khối tư nhân, hỗ trợ quốc tế.

5. Thiết lập hệ thống công khai, minh bạch (MRV):

Tham gia cùng các Bộ, ngành có liên quan định kỳ xây dựng Thông báo thích ứng quốc gia bao gồm cả tiến độ đạt được mục tiêu thích ứng trong Sáng kiến Đối tác Đóng góp quốc gia tự quyết định (NDC).

6. Xây dựng và hoàn thiện chính sách, thể chế:

a) Tiếp tục triển khai lồng ghép các vấn đề biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh vào trong các chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình Ưu tiên cho đầu tư phát triển của tỉnh;

b) Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bảo đảm mỗi Sở, ngành, địa phương đều có đầu mối xử lý các vấn đề biến đổi khí hậu.

Các nhiệm vụ triển khai thực hiện Kế hoạch: Theo Phụ lục đính kèm.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách Nhà nước đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Các cơ quan và các địa phương chủ động huy động sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật để thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các Sở, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức quán triệt nội dung Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân; tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện và hoàn thành đúng thời hạn các nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường).

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, đề nghị các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu thấy cần thiết phải bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch, các Sở, ngành và

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ động kiến nghị, đề xuất gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: 

- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT và PCT UBND tỉnh Trần Quốc Nam;
- Các Sở, ban ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Ủy ban MTTQVN, Đoàn thể tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP (L.T.Dũng);
- Lưu: VT, KT, HT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Trần Quốc Nam



Phụ lục
 CÁC NHIỆM VỤ VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN
 (Kèm theo Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2017
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

I. NHIỆM VỤ GIẢM NHỆ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

1. Các nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2016 - 2020

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành
1	Xây dựng và thực hiện các đề xuất giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tăng trưởng xanh (TTX) phù hợp với điều kiện quốc gia (NAMA) và Ninh Thuận cho lĩnh vực công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, nông nghiệp và phát triển nông thôn.	-Sở Công Thương; - Sở GTVT; - Sở Xây dựng; - Sở NN&PTNT.	Sở TNMT, các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, doanh nghiệp	2020
2	Tổ chức thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính khác phù hợp với điều kiện quốc gia và Ninh Thuận.	Sở TNMT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, doanh nghiệp.	2020

2. Nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2021 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành
3	Tổ chức thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính khác phù hợp với điều kiện quốc gia và Ninh Thuận.	Sở TNMT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, doanh nghiệp.	2030

II. NHIỆM VỤ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2016 - 2020

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành
4	Phối hợp với Bộ, ngành Trung ương cập nhật đóng góp về thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH) trong Sáng kiến Đối tác Đóng góp quốc gia tự quyết định (NDC) phục vụ đánh giá nỗ lực toàn cầu định kỳ.	Sở TNMT	Sở NN&PTNT, các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	2018

5	Phối hợp với Bộ, ngành Trung ương Xây dựng kế hoạch thích ứng quốc gia (NAP).	Sở TNMT	Các Sở: KHĐT, NN&PTNT, TC, XD, UBND các huyện, thành phố	2019
6	Rà soát thông tin, dữ liệu hiện có về thích ứng với BĐKH, tổn thất và thiệt hại; đề xuất thông tin, nghiên cứu bổ sung và phương thức quản lý, chia sẻ dữ liệu tạo thuận lợi cho xây dựng, cập nhật các báo cáo đóng góp của quốc gia về thích ứng với BĐKH.	Sở TNMT	Các Sở: TC, NN&PTNT, các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan bảo hiểm.	2019
7	Thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh (TTX).	Sở TNMT	Các Sở: KHĐT, TC, NN&PTNT, GTVT, CT, Ban XDNL&TH các DA ODA ngành nước, UBND các huyện, thành phố	2020
8	Thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững.	Sở NN&PTNT	Các Sở: KHĐT, TC, các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	2020
9	Thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững.	Sở NN&PTNT	Các Sở: KHĐT, TC, TNMT, các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	2020
10	Thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư.	Sở NN&PTNT	Các Sở: KHĐT, TC, các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	2020
11	Thực hiện các hoạt động khác về thích ứng với BĐKH nhằm tăng khả năng chống chịu, bảo vệ cuộc sống và sinh kế cho người dân, tạo điều kiện để có đóng góp lớn hơn trong giảm nhẹ phát thải khí nhà kính	Sở TNMT	Các Sở: KHĐT, TC, các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	2020

2. Nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2021 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành
12	Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng và dân sinh phù hợp với bối cảnh BĐKH.	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thành phố	Thực hiện cho cả giai đoạn

13	Triển khai các phương án và giải pháp, công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách nhằm bảo vệ đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng an ninh và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn; di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của bão, nước dâng do bão, lũ lụt, xói lở bờ sông, bờ biển hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất trên địa tỉnh.	Sở NN&PTNT	Sở TNMT, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh UBND các huyện, thành phố	Thực hiện cho cả giai đoạn
14	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông; bảo đảm an toàn hồ chứa; tăng cường hợp tác các tỉnh lân cận giải quyết các vấn đề nước liên tỉnh; đảm bảo an ninh nguồn nước.	Sở TNMT	Sở NN&PTNT, Công an tỉnh, các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Thực hiện cho cả giai đoạn
15	Quản lý rừng bền vững, ngăn chặn mất rừng và suy thoái rừng; trồng, bảo vệ, phục hồi rừng, chú trọng phát triển rừng trồng gỗ lớn, rừng ven biển của tỉnh.	Sở NN&PTNT	UBND các huyện, thành phố, doanh nghiệp	Thực hiện cho cả giai đoạn
16	Đảm bảo an ninh lương thực thông qua bảo vệ, duy trì hợp lý và quản lý bền vững quỹ đất cho nông nghiệp; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; tạo giống mới thích ứng với BĐKH; hoàn thiện hệ thống kiểm soát, phòng chống dịch bệnh.	Sở NN&PTNT	Sở TNMT, UBND các huyện, thành phố	Thực hiện cho cả giai đoạn
17	Rà soát, điều chỉnh và phát triển sinh kế và quá trình sản xuất phù hợp với điều kiện BĐKH gắn với xóa đói giảm nghèo, công bằng xã hội.	Sở NN&PTNT	Các Sở: TNMT, LĐTB&XH, UBND các huyện, thành phố	Thực hiện cho cả giai đoạn
18	Thực hiện lồng ghép thích ứng với BĐKH dựa vào hệ sinh thái và cộng đồng, thông qua phát triển dịch vụ hệ sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng kiến thức bản địa, ưu tiên cộng đồng dễ bị tổn thương nhất.	Sở TNMT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội khác.	Thực hiện cho cả giai đoạn
19	Tổ chức lập, thẩm định và trình duyệt các Quy hoạch đô thị, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu tái định cư ven biển phù hợp với kịch bản nước biển dâng; thực hiện quản lý tổng hợp dải ven bờ.	Sở Xây dựng	Các Sở: KHĐT, TNMT, UBND các huyện, thành phố, doanh nghiệp.	Thực hiện cho cả giai đoạn

20	Tổ chức xây dựng kế hoạch, giải pháp thực hiện chống ngập cho các thành phố, đô thị ven biển; xây dựng các cơ sở hạ tầng đô thị chống chịu với tác động của BĐKH; củng cố và xây mới các công trình cấp, thoát nước đô thị.	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thành phố	Thực hiện cho cả giai đoạn
21	Củng cố, nâng cấp và hoàn thiện các tuyến đê biển, đê sông xung yếu; kiểm soát xâm nhập mặn các vùng bị ảnh hưởng nặng nề nhất.	Sở NN&PTNT	UBND các huyện, thành phố ven biển.	Thực hiện cho cả giai đoạn

III. NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ NGUỒN LỰC

1. Chuẩn bị nguồn lực con người

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành
22	Lồng ghép kế hoạch đào tạo, đào tạo lại cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đáp ứng nhu cầu thực hiện Thỏa thuận Paris trong xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.	Sở Nội vụ	Sở TNMT, các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý IV hàng năm
23	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về thực hiện Thỏa thuận Paris ở Việt Nam trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.	Sở Thông tin và truyền thông	Sở TNMT, các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Thực hiện cho cả giai đoạn

2. Chuẩn bị nguồn lực công nghệ

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành
24	Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương áp dụng thử nghiệm một số công nghệ ứng phó với BĐKH có tiềm năng và phù hợp với điều kiện của tỉnh.	Sở KHCN	Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, doanh nghiệp.	2019
25	Phối hợp với Bộ KHCN rà soát, đề xuất các cơ chế chính sách Khuyến khích nghiên cứu, chuyển giao công nghệ về BĐKH.	Sở KHCN	Sở TNMT, các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, doanh nghiệp.	2020

3. Chuẩn bị nguồn lực tài chính

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành
26	Đề xuất danh mục các dự án ứng phó với BĐKH và TTX, Ưu tiên dự án thực hiện các cam kết trong NDC, có khả năng huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế, chú trọng các dự án phát triển năng lượng tái tạo huy động nguồn lực từ khối tư nhân, hỗ trợ quốc tế.	Sở KHĐT	Sở TNMT, các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, doanh nghiệp.	2018

IV. NHIỆM VỤ THIẾT LẬP HỆ THỐNG CÔNG KHAI, MINH BẠCH (MRV)

- MRV cho thích ứng với BĐKH

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành
27	Phối hợp với Bộ TNMT định kỳ xây dựng Thông báo thích ứng quốc gia bao gồm cả tiến độ đạt được mục tiêu thích ứng trong NDC.	Sở TNMT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	2020,2025,2030

V. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, THẺ CHẾ

1. Xây dựng và hoàn thiện chính sách

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành
28	Tiếp tục triển khai lồng ghép các vấn đề BĐKH và TTX vào trong các chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình ưu tiên cho đầu tư phát triển.	Sở KHĐT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Thực hiện cho cả giai đoạn

2. Sắp xếp thẻ chế

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành
29	Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bảo đảm mỗi Sở, ngành, địa phương của tỉnh đều có đầu mối xử lý các vấn đề BĐKH.	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	2017
30	Tham gia điều phối giải quyết các vấn đề liên vùng, liên ngành trong ứng phó với BĐKH.	Sở TNMT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Thực hiện cho cả giai đoạn